

Bài 24 LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số hoặc cho số có một chữ số.
- Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) trong phạm vi các số và phép tính đã học.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài tập có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính (bài tập về bớt một số đơn vị, bài tập về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị).

Phát triển năng lực

- Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.
- Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết các bài toán có lời văn nhằm phát triển năng lực giao tiếp.
- Lựa chọn được phép tính để giải được các bài tập có một bước tính nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
- Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản nhằm phát triển năng lực giao tiếp.
- HS được tham gia vào hoạt động thực hành, trải nghiệm thông qua trò chơi toán học.

II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- GV nên chuẩn bị sẵn các thẻ để tổ chức trò chơi ở tiết 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một (hai) chữ số; đồng thời ôn tập về so sánh số; vận dụng vào giải các bài toán thực tế.

Bài 1: Bài tập đặt tính rồi tính, giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số và số có hai chữ số cho số có hai chữ số. HS cần đặt đúng các phép tính trước khi thực hiện tính.

Bài 2: Giúp HS ôn tập về thực hiện phép cộng, phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số và phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số. HS cần thực hiện lần lượt các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải để tìm số thích hợp trong mỗi ô có dấu “?”.

Bài 3: Giúp HS phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề gắn với việc giải bài toán lời văn có một bước tính. Thông qua việc trả lời câu hỏi, HS sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

- Bài tập đưa vào một tình huống vui là sóc đang leo cầu thang để vào nhà nhằm giúp HS thấy thích thú hơn trong quá trình làm bài tập.
- GV cho HS giải và trình bày bài giải, chẳng hạn:

Bài giải

Số bậc thang sóc cần leo thêm để vào nhà là:

$$32 - 9 = 23 \text{ (bậc thang)}$$

Đáp số: 23 bậc thang.

Bài 4: Giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số và so sánh các số trong phạm vi 100.

- Bài tập đưa ra tình huống là một câu chuyện giữa Nam, Mai và Rô-bốt, khi các bạn khoe với nhau về số nhãn vở mình có. Bạn Rô-bốt thông minh đưa ra một gợi ý về số nhãn vở mình có “nhiều hơn của Nam nhưng ít hơn của Mai”. HS dựa vào gợi ý đó để tìm ra phép tính có kết quả là số nhãn vở Rô-bốt có.
- Kết quả: Chọn C.

Bài 5: Giúp HS ôn tập về so sánh các số trong phạm vi 100.

- GV nên chuẩn bị các tấm thẻ hoặc yêu cầu HS tự tạo ra các tấm thẻ để HS dễ dàng hơn khi làm bài.
- Kết quả: Số bé nhất trong các số đó là 33. Số lớn nhất trong các số đó là 83.

- GV có thể mở rộng bài tập này bằng cách đặt thêm câu hỏi: “Tìm tổng hoặc hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số được tạo thành.”

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một (hoặc hai) chữ số; đồng thời, ôn tập về thực hiện tính toán trường hợp có hai dấu phép tính; vận dụng vào giải các bài toán thực tế và tổ chức trò chơi.

1. Luyện tập

Bài 1: Giúp HS thực hiện việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) trong phạm vi các số và phép tính đã học.

HS có thể thực hiện bằng cách đặt tính theo cột dọc hoặc tính nhẩm. Tuy nhiên, GV nên khuyến khích HS thực hiện tính nhẩm.

Bài 2: Giúp HS ôn tập về tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng trong phạm vi các số và phép tính đã học.

- HS cần xác định số trên các bông hoa, sau đó tính tổng các số đó.
- Kết quả: $5 + 61 + 8 = 74$.
- Lưu ý: GV có thể mở rộng bài tập bằng cách đặt thêm câu hỏi: Tính tổng (hoặc hiệu) của số trên bông hoa đầu tiên với số trên bông hoa cuối cùng mà chú ong bay qua.

Bài 3: Giúp HS phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề gắn với việc giải bài toán lời văn có một bước tính. Lấy ý tưởng từ truyện cổ tích “Cây tre trăm đốt”, tình huống được đặt ra trong bài tập là anh Khoai vào rừng tìm cây tre có 100 đốt. Anh đã tìm được hai cây tre cao nhất rừng nhưng một cây chỉ được 43 đốt và một cây được 50 đốt. GV nên kể vắn tắt cho HS câu chuyện để dẫn dắt vào bài tập tự nhiên và hấp dẫn.

- GV cho HS tìm hiểu, phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính thích hợp rồi trình bày giải, chẳng hạn:

Bài giải

Số đốt tre của cả hai cây tre có là:

$$43 + 50 = 93 \text{ (đốt tre)}$$

Đáp số: 93 đốt tre.

- Lưu ý: GV có thể mở rộng bài toán bằng cách đặt thêm câu hỏi: “Anh Khoai cần thêm bao nhiêu đốt tre để có đủ 100 đốt?”

Bài 4: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số, cũng như ôn tập lại kiến thức về so sánh hai số trong phạm vi 100.

- Để tìm được chữ số ở ô có dấu “?” bên vế phải, HS cần tính kết quả của phép tính ở vế trái. Chẳng hạn, với câu a, kết quả của phép tính ở vế trái: $60 - 9 = 51$. Khi đó, thu được biểu thức $51 > 5\boxed{?}$ nên chữ số cần tìm chỉ có thể là 0. Tương tự cho câu b.
- Kết quả: a) $60 - 9 > 5\boxed{0}$; b) $42 - 4 < 3\boxed{9}$.
- GV có thể mở rộng bài tập bằng cách thay dấu $>$ bởi dấu $<$ hoặc thay đổi số liệu. Khi đó bài tập sẽ trở nên mở khi có nhiều đáp án đúng.

2. Trò chơi “Cặp tấm thẻ anh em”

- Mục tiêu: Nhằm giúp HS củng cố kiến thức về thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số và cho số có hai chữ số; tính nhằm phép trừ các số tròn chục.
- Chuẩn bị: Mỗi nhóm: 10 tấm thẻ, trong đó có 5 tấm thẻ ghi phép tính và 5 tấm thẻ ghi số (như SGK).
- Cách chơi:
 - + Úp các tấm thẻ có các phép trừ thành một nhóm và úp các tấm thẻ có ghi số thành một nhóm (nên để mỗi nhóm thành một hàng ngang). Khi đến lượt người chơi lấy ra ở mỗi nhóm 1 tấm thẻ (1 tấm thẻ ghi phép trừ và 1 tấm thẻ ghi số). Nếu tấm thẻ ghi số đúng là kết quả của tấm thẻ ghi phép tính thì hai tấm thẻ đó được gọi là “cặp tấm thẻ anh em”. Khi lấy được cặp tấm thẻ anh em thì người chơi được giữ lấy, nếu không phải cặp tấm thẻ anh em thì người chơi xếp trả lại.
 - + Trò chơi kết thúc khi có người lấy được 2 cặp tấm thẻ anh em.
- Tùy điều kiện thời gian, GV có thể cho HS lấy hết cả 5 cặp tấm thẻ anh em mới kết thúc trò chơi.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).